



QUẢN TRỊ VỐN CỦA NGÂN HÀNG ĐẢM BẢO TỶ LỆ ĐỦ VỐN THEO CHUẨN MỰC MỚI

TRẦN QUỐC BẢO*

Tóm tắt

Với tựa đề: “Quản trị vốn của ngân hàng đảm bảo tỷ lệ đủ vốn theo chuẩn mực mới” bài báo trình bày các nội dung liên quan với mục tiêu cần hướng đến là khẳng định tính chất quan trọng trong việc áp dụng chuẩn mực mới về tỷ lệ an toàn vốn thiếu mà các ngân hàng thương mại phải tuân thủ.

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của đề tài được xác định là quản trị vốn trong ngân hàng thương mại theo hướng đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) trên cơ sở chuẩn mực của Hiệp ước Basel II.

Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu: Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp phân tích định tính dựa trên cơ sở dữ liệu thứ cấp được công bố công khai trên các website của SBV, của các ngân hàng thương mại, các trang tin điện tử và các tạp chí khoa học khác của Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu này phù hợp với đề tài nghiên cứu theo hướng hàn

1. không phải nghiên cứu này phù hợp với các tài nghiên cứu theo hướng ban luận trao đổi dựa trên quan điểm và tư duy cá nhân với góc nhìn từ thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu của bài báo khẳng định quản trị vốn trong ngân hàng thương mại và việc tuân thủ chuẩn mực mới về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các ngân hàng thương mại Việt Nam không những mang tính bắt buộc mà còn là kết quả của một quá trình quản trị kinh doanh ngân hàng theo hướng tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Từ khóa: Vốn tự có, Quản trị vốn tự có, Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, Basel II

Abstract

With the title: “Capital management of the bank ensures the capital adequacy ratio according to new standards” the article presents relevant contents with the aim to be to confirm the importance of applying the new standards of capital adequacy ratio that commercial bank must comply.

Research subjects: Research subjects is defined as capital management in commercial bank towards meeting the minimum capital adequacy ratio as prescribed by the State Bank of Vietnam (SBV) on the basis of the Agreement’s standards Basel II convention.

* Viện nghiên cứu phát triển TP.HCM

Research methodology and research data: To accomplish this research objective, the author uses qualitative analysis methods based on secondary databases that are publicly available on the websites of SBV, commercial bank, electronic new site and other Vietnamese scientific journals. This research method is suitable for the research topic in the direction of discussion based on individual views and thoughts with a practical perspective.

The research results of the article confirm that capital management in commercial banks and the compliance with the new standards on minimum capital adequacy ratios of Vietnamese commercial banks are not only mandatory but also result effectiveness of a banking business administration process towards enhancing risk management, ensuring safety and efficiency.

Keywords: Equity, equity management, minimum capital adequacy ratio, Basel II

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vốn trong ngân hàng thương mại gồm hai bộ phận là vốn tự có và nợ phải trả. Trong đó vốn tự có là vốn chủ sở hữu của ngân hàng, bộ phận vốn này thể hiện sức mạnh tài chính của mỗi ngân hàng. Vốn tự có của ngân hàng

toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực Basel II của hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay là bài toán không hề đơn giản và đầy khó khăn. Bài viết này trình bày, trao đổi nội dung liên quan đến quản trị vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam với mục tiêu phòng ngừa rủi ro, đảm bảo tử lực an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn

càng lớn không những giúp ngân hàng này mở rộng hoạt động kinh doanh mà còn giúp gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tiền tệ. Ngoài ra, mức vốn tự có cao hay thấp còn ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quản trị vốn trong ngân hàng thương mại được thực hiện theo hai hướng, hai mục tiêu khác nhau: Một là, quản trị vốn với mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận; Hai là, quản trị vốn với mục tiêu phòng ngừa rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Quản trị vốn trong ngân hàng thương mại với mục tiêu định hướng phòng ngừa rủi ro, nhất là rủi ro trọng yếu của ngân hàng đảm bảo an toàn hệ thống trở nên tối cần thiết khi hệ thống tài chính ngân hàng của Việt Nam đã và đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với hệ thống tài chính ngân hàng thế giới. Việc đáp ứng tỷ lệ an

đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực của Basel II

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết về quản trị vốn trong ngân hàng thương mại

Một doanh nghiệp muốn hoạt động kinh doanh thì điều kiện hàng đầu là phải có vốn. Ngân hàng thương mại là một loại hình doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng cũng phải có vốn. Ngoài vốn tự có (vốn chủ sở hữu), vốn kinh doanh chủ yếu của các ngân hàng là vốn huy động. Trong đó, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ (trên dưới 10%) nhưng vốn tự có được coi nền tảng để huy động các nguồn vốn - nợ khác. Vốn tự có còn là căn cứ để xác định các lệ an toàn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng (như giới hạn cấp tín dụng, hạn chế tín dụng, giới hạn góp vốn mua cổ phần và nhất là tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sẽ đề cập trong bài viết này) .



Quan trị vốn theo cách nhìn tổng quát nhất với góc độ kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận là quản trị nguồn vốn sao cho đảm bảo cân đối giữa nguồn và nhu cầu tín dụng, tức là đảm bảo khả năng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế, đồng thời tạo khả năng sinh lời cao thông qua chỉ tiêu tỷ lệ lãi cận biên (*Net Interest Margin -NIM*). Tuy nhiên, đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng, bên cạnh mục tiêu kinh doanh có hiệu quả cao, thì vấn đề tăng cường quản trị rủi ro, phòng chống rủi ro, đảm bảo an toàn ngân hàng cho một thực thể riêng lẻ và cả hệ thống ngân hàng trở nên tối cần thiết. Hai mục tiêu nêu trên cần được quan tâm đúng mực trong quản trị kinh doanh ngân hàng. Trong phạm vi bài báo này, tác giả trình bày quản trị vốn theo mục tiêu an toàn trên cả hai góc độ về quản trị kinh doanh và tính tuân thủ luật pháp.

được quản lý một cách hiệu quả hơn, mang lại uy tín, kết quả kinh doanh khả quan và bền vững hơn. Để thực hiện được Basel II, các ngân hàng sẽ phải đối mặt với nhiều áp lực, trong đó việc đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là một thách thức lớn đối với các ngân hàng. Chính vì vậy, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã lường trước được những khó khăn nhất định mà các ngân hàng thương mại phải đối mặt khi thực hiện chuẩn mực CAR mới này nên đã dành một khoảng thời gian nhất định (3năm) để các ngân hàng thương mại áp dụng quy chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.

Đến cuối năm 2019, theo thông tin từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có 21 ngân hàng đáp ứng chuẩn Basel II sớm về tỷ lệ an toàn vốn. Bao gồm 19 ngân hàng trong nước là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng

2.2. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực Basel II và thực tế tại Việt Nam

Trên cơ sở định hướng triển khai Basel II theo đề án của Chính Phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đã ban hành Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại phải đáp ứng theo tiêu chuẩn Basel II với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu $\geq 8\%$. Ngân hàng nào được SBV chấp thuận áp dụng theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN sớm, tức là trước 31/12/2019 ngân hàng đó đương nhiên được công nhận là đã có quá trình với nỗ lực cao để hình thành khung quản trị rủi ro vững chắc, đảm bảo cho ngân hàng hoạt động an toàn, ổn định và bền vững. Với các quy chuẩn khắt khe về an toàn vốn và quản trị rủi ro, việc áp dụng Basel II sẽ giúp các ngân hàng hoạt động an toàn hơn, lành mạnh hơn, đồng thời nguồn vốn

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng Phương Đông, Ngân hàng Tiên Phong, Ngân hàng Á Châu, Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng Quân đội, Ngân hàng Phát triển TP. HCM, Ngân hàng Việt Nam Thương Tín, Ngân hàng Bản Việt, Ngân hàng Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng Đông Nam Á, Ngân hàng Bru điện Liên Việt và Ngân hàng Nam Á và hai ngân hàng nước ngoài Shinhan Bank và Standard Chartered Việt Nam. Kết quả này được coi là thành công lớn của ngành ngân hàng Việt Nam trong việc tuân thủ chuẩn mực an toàn theo Hiệp ước Basel II.

Đối với những ngân hàng thương mại khác chưa đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% theo quy định phải có văn bản gửi Cơ quan Thanh tra, Giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước

chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng đó đặt trụ sở chính để đăng ký. Nội dung văn bản đăng ký phải nêu rõ lý do và kế hoạch cụ thể về giải pháp, lộ trình để đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu ở mức 8% với thời hạn chậm nhất đến ngày 01/01/2023. Như vậy, những ngân hàng chưa đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thông tư 41/2016/TT - NHNN sẽ có khoảng thời gian tối đa là 3 năm để chấn chỉnh hoạt động kinh doanh, tăng cường quản trị tài chính, phân đấu và tăng cường quản lý rủi ro tín dụng để đạt được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định.

Tiếp nối thành công và kết quả đạt được nói trên, ngày 15/11/2019 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 22/2020/TT - NHNN. Theo Thông tư này tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đã được nâng lên với mức tối

2.3. Lộ trình để tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cho các NHTM Việt Nam

Hiệp ước Basel II bắt buộc các ngân hàng thương mại hoạt động một cách minh bạch hơn, đảm bảo tính chủ động hơn trong việc phòng ngừa các rủi ro; từ đó có thể giảm thiểu được rủi ro giúp thị trường, đảm bảo hoạt động ổn định hơn. Theo quan điểm đứng trên góc độ của nhà quản lý và kinh doanh ngân hàng, để tuân thủ chuẩn mực an toàn theo Hiệp ước Basel II, nhất thiết phải có sự chỉ đạo, dẫn dắt, hướng dẫn, hỗ trợ của SBV với vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, đồng thời, tuy mang tính bắt buộc, nhưng các ngân hàng thương mại cũng phải chủ động hoàn toàn trong việc đề ra kế hoạch, tổ chức thực hiện với một lộ trình hợp lý để đáp ứng chuẩn mực an toàn theo Hiệp ước Basel II và Basel III

Đối với các ngân hàng thương mại để làm

thieu là 9% và được áp dụng cho những ngân hàng đã duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo Thông tư 41 ở mức $\geq 8\%$. Các ngân hàng còn lại chưa duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu ở mức 8% sẽ phải có kế hoạch và lộ trình để áp chuẩn vào 31/12/2022. Ngoài tỷ lệ an toàn vốn, Thông tư còn quy định các giới hạn, tỷ lệ an toàn khác trong hoạt động kinh doanh ngân hàng theo hướng gia tăng hiệu lực và hiệu quả quản trị rủi ro ngân hàng như: Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng; Tỷ lệ khả năng chi trả; Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn; Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Giới hạn góp vốn, mua cổ phần; Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trao đổi, thảo luận về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu mới và những việc phải làm của các ngân hàng thương mại để có thể đáp ứng yêu cầu theo quy định.

Đối với các ngân hàng thương mại, để làm được việc này cần có sự đồng thuận nhất trí cao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát trong việc tuân thủ quy định. Khi các chuẩn mực an toàn, nhất là chuẩn mực về tỷ lệ an toàn vốn tối (CAR) đã được đáp ứng, nhất định sẽ mang lại cho các ngân hàng một khả năng an toàn và hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đồng thời tạo cơ sở để ngân hàng phát triển ổn định bền vững hơn trong tương lai.

Đến thời điểm hiện nay việc chấp hành tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn an toàn vốn Basel II của hệ thống ngân hàng Việt Nam được phân thành hai nhóm:

- **Nhóm 1**, gồm các ngân hàng thương mại đã được SBV công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu $\geq 8\%$. Nhóm ngân hàng này là những ngân hàng hoạt động kinh doanh có hiệu quả và ổn định, có hệ thống quản trị tiên tiến, quản trị rủi ro đáp ứng quy chuẩn



của Basel II. Đã tốt rồi, nhưng chưa dừng lại ở đó, nhóm ngân hàng này bước sang giai đoạn phân đấu mới khó khăn hơn để đạt được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cao hơn với mức $\geq 9\%$ vào 31/12/2022

- **Nhóm 2**, gồm các ngân hàng thương mại chưa đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (thấp hơn 8%) . Nhóm ngân hàng này cần có sự phân đấu vươn lên mạnh mẽ trong thời gian tới về quản trị kinh doanh, quản trị tài chính và đặc biệt là trong quản trị rủi ro ngân hàng để có thể đạt chuẩn về CAR ở mức $\geq 8\%$ vào 31/12/2022

Như vậy, bất kể tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam (gồm NHTM nhà nước, NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài) đang ở mức độ nào cũng đều phải có kế hoạch

Trụ cột 2: Liên quan tới việc hoạch định các chính sách ngân hàng, đó là: “*Quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ*” (*Internal Capital Adequacy Assessment Process - ICAAP*); Trụ cột 3: Liên quan đến việc công khai thông tin theo nguyên tắc thị trường, đó là: “*Tuân thủ nguyên tắc thị trường*” (*Compliance Market Principle - CMP*) Áp dụng Basel II giúp tăng cường năng lực tài chính, tăng cường quản trị rủi ro của ngân hàng. Việc tuân thủ được các chuẩn mực theo Basel không dễ, đòi hỏi ngân hàng không chỉ nâng cao hiệu quả quản trị nhân lực, vật lực mà cả về trình độ và phương pháp quản trị hiện đại.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được cấu thành bởi hai thành tố là vốn tự có và tài sản có rủi ro. Trong đó, vốn tự có phải tính đúng giá trị thực, còn tài sản có phải được quy đổi theo hệ số rủi ro theo quy chuẩn. Hệ số rủi ro được tính

đang ở mức độ nào cũng đều phải có kế hoạch và hành động cụ thể để từng bước nâng cao tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời gian tới.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (còn gọi là tỷ lệ đủ vốn (Capital Adequacy Ratio - CAR) là một trong những thước đo quan trọng để đánh giá mức độ an toàn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Basel II về cơ bản là một tập hợp các quy chuẩn về an toàn ngân hàng với nhiều chủ đề phức tạp, chứa đựng nhiều nội dung quan trọng có liên quan đến chiến lược kinh doanh, hệ thống quản trị, công nghệ hiện đại, quy trình, biểu mẫu và văn hóa doanh nghiệp với mục tiêu đảm bảo an toàn và phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng.

Chuẩn mực an toàn theo Hiệp ước Basel II có ba cột trụ thể chân kiềng, gồm Trụ cột 1: Liên quan đến việc duy trì tỷ lệ vốn bắt buộc, đó là: “*Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu*” (*Tỷ lệ đủ vốn - Capital Adequacy Ratio - CAR*);

toán dựa trên 3 yếu tố chính mà các ngân hàng phải đối mặt là rủi ro tín dụng (*Credits Risk*) rủi ro thị trường (*Market Risk*) và rủi ro vận hành - rủi ro hoạt động (*Operational Risk*). Với Basel I áp dụng “phương pháp tiêu chuẩn” để xác định rủi ro, với Basel II áp dụng “phương pháp nâng cao” để xác định mức độ rủi ro. Đó là một sự thay đổi lớn và căn bản trong cách tính rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Trong khi xác định rủi ro vận hành là hoàn toàn mới có tính đột phá so với cách tính cũ. Mức độ số rủi ro của tài sản được phân thành 6 nhóm tài sản với hệ số rủi ro khác nhau dao động từ mức thấp nhất là 0% cho đến đến mức cao nhất là 200%. Các mức rủi ro này rất nhạy cảm khi xếp hạng rủi ro, do đó cần có “Quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ” (Trụ cột 2) trong đó, đặc biệt quan trọng là đánh giá rủi ro. Nói cách khác, việc đánh giá rủi ro nếu không theo quy trình, không sát thực theo quy chuẩn sẽ

dẫn đến sai lệch kết quả làm cho CAR phản ánh không đúng với tình hình thực tế, gây ngộ nhận, tạo hậu quả khó lường. Nội dung này chứa đựng nhiều vấn đề, được bàn luận, trao đổi trong một dịp khác.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng thuộc Ủy ban Basel xây dựng và phát triển làm chuẩn mực để áp dụng và đánh giá mức độ rủi ro thực tế của mỗi ngân hàng đang hoạt động kinh doanh. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) với vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng đã kịp thời tiếp cận nền

tăng chuẩn mực và định hướng quản trị ngân hàng hiện đại của Basel II và coi đây là yêu cầu cần thiết để tăng cường quản lý rủi ro đối với hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu bao gồm: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất. Trong đó, Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ được tính cho từng ngân hàng, trong khi Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất được tính gộp cho ngân hàng và các công ty con của ngân hàng đó.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được xác định bằng công thức tổng quát như sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) (\%)} = \frac{\text{Vốn tự có (VTC)}}{\text{Tổng tài sản Có rủi ro}} \times 100\%$$

Theo công thức trên, CAR được xác định dựa trên hai thành tố là VTC và Tổng TS Có rủi ro. Về mặt số học, CAR cao hay thấp sẽ

TS có rủi ro không thay đổi thì CAR sẽ đạt chuẩn 8% $[16.000 / 200.000] \times 100\% = 8\%$. Trường hợp không thể tăng mức Vốn tự có,

biên động thuận chiều với VTC và sẽ biên động ngược chiều với tổng TS Có rủi ro. Xét theo khía cạnh lý thuyết thuần túy, ngân hàng nào có mức VTC cao, trong khi tổng TS Có rủi ro thấp, thì có khả năng cao trong việc đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Ngược lại, ngân hàng nào có mức VTC thấp, trong khi tổng TS Có rủi ro cao, thì khó có khả năng đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định.

Giả sử một NH A thuộc nhóm 2 có thông tin sau đây: VTC trị giá 15.000 tỷ (trong đó Vốn cấp I là 12.000 tỷ Vốn cấp II là 3.000 tỷ); Tổng Tài sản Có rủi ro (tính bằng phương pháp tiêu chuẩn theo hệ số rủi ro của các nhóm tài sản rủi ro) Giá trị 200.000 tỷ. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của NH A sẽ là $[15.000 / 200.000] \times 100\% = 7,5\%$. CAR của NH A chưa đạt chuẩn, NH A muốn đạt chuẩn CAR lên 8% trong thời gian tới, NH A hoặc phải có biện pháp để gia tăng mức Vốn tự có lên mức 16.000 tỷ (tăng 1.000 tỷ) trong khi tổng

NH A buộc phải tăng cường quản lý để giảm giá trị của Tổng TS Có rủi ro từ mức 200.000 xuống còn 187.500 tỷ (giảm 12.500 tỷ) lúc này CAR của NHA sẽ đạt chuẩn 8% $[15.000 / 187.500] \times 100\%$. NH A cũng có thể tác động đồng thời cả hai thành tố, vừa tăng VTC (giả sử tăng 500 tỷ thành 15.500 tỷ) vừa giảm giá trị TS Có rủi ro quy đổi (giả sử giảm 6.250 tỷ còn lại 193.750 tỷ), CAR sẽ đạt chuẩn 8% $[15.500 / 193.750] \times 100\% = 8\%$. Tất nhiên, đây chỉ là số liệu giả định để lý giải vấn đề, thực tế để làm được như vậy là cả một quá trình phấn đấu cao trong định hướng tầm nhìn về kinh doanh và hệ thống quản lý tiên tiến. Giải quyết vấn đề này không hoàn toàn đơn giản, mà đòi hỏi phải có tầm nhìn của nhà quản lý giỏi, hệ thống quản lý tiên tiến đồng bộ để giải quyết hai thành tố cấu thành tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là VTC và Tổng TS Có rủi ro. Hai thành tố này hàm chứa rất nhiều nội dung kinh tế tài chính, mức độ rủi ro phức tạp, cần



rất nhiều công sức, trí tuệ và chi phí mới hy vọng xử lý được bài toán này.

Về phương diện quản lý, để có thể duy trì và từng bước gia tăng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, các ngân hàng thương mại cần tác động đến hai thành tố của CAR là Vốn tự có (VTC) và Tổng TS Có rủi ro. Trong phạm vi bài báo này, tác giả tập trung về giải pháp tác động đến thành tố thứ nhất, đó là Vốn tự có (VTC) của ngân hàng.

VTC thể hiện năng lực tài chính của mỗi ngân hàng thương mại, là yếu tố hàng đầu quyết định năng lực cạnh tranh của ngân hàng. Vốn tự có còn là căn cứ để xác định các tỷ lệ an toàn trong hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư của ngân hàng, vì vậy việc tăng vốn tự có là rất cần thiết đối với bất kỳ ngân hàng nào nếu ngân hàng đó muốn gia tăng năng lực cạnh tranh và không ngừng mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của mình. Ngân hàng tăng

vốn, mua cổ phần của các công ty con; Các khoản giảm trừ bổ sung khác có liên quan đến vượt mức về giới hạn đầu tư.

Vốn tự có cấp 2 được xác định theo từng cấu phần gồm: 50% phần chênh lệch tăng do đánh giá lại TSCĐ theo quy định của Pháp luật; 40% phần chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản góp vốn đầu tư dài hạn theo quy định của Nhà nước; Quỹ Dự phòng tài chính; Dự phòng chung; Trái phiếu chuyển đổi và công cụ nợ khác do ngân hàng phát hành thỏa mãn một số điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để được công nhận là cấu phần vốn cấp 2.

Để đảm bảo tính đúng *giá trị thực* của vốn cấp 2, khi tính toán cũng phải loại trừ các khoản như phần chênh lệch dương giữa quỹ Dự phòng tài chính và Dự phòng chung so với 1,25% Tổng TS Có rủi ro; Chênh lệch dương giữa Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi và công

vốn sẽ tạo ra hiệu quả kép vừa tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, lại vừa đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định. Trong thực tế, việc tăng vốn không hề đơn giản, nếu không muốn nói là rất phức tạp và cực kỳ khó khăn.

Vốn tự có dùng làm căn cứ để xác định tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu gồm Vốn tự có cấp 1 và Vốn tự có cấp 2. Vốn tự có cấp 1 được xác định theo từng cấu phần, gồm: Vốn điều lệ đã được cấp, đã được góp; Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ Đầu tư phát triển; Lợi nhuận không chia lũy kế; Thặng dư vốn cổ phần. Tất cả được thể hiện trên sổ kế toán tại điểm công bố.

Để đảm bảo tính đúng *giá trị thực* của vốn cấp 1 cần phải loại trừ các khoản sau: Lợi thế thương mại; Lỗ Lũy kế; Các khoản cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần tại các Tổ chức tín dụng khác; Các khoản góp vốn, mua cổ phần của các TCTD khác; Các khoản góp

cụ nợ dài hạn khác được tính vào cấu phần vốn cấp 2 so với 50 % vốn cấp 1; Chênh lệch dương giữa Tổng giá trị vốn cấp 2 và Tổng giá trị vốn cấp 1. Quy định này sẽ ngăn chặn các ngân hàng phát hành trái phiếu để tăng vốn cấp 2 nhằm đối phó để đạt được CAR).

Có thể nói phương pháp xác định cấu phần và cách xác định mức vốn tự có cấp 1, mức vốn tự có cấp 2 là có cơ sở khoa học, hợp lý và chính xác, nhờ đó tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được công bố đảm bảo độ tin cậy, đúng tình hình thực tế làm cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn an toàn vốn trong hoạt động của các ngân hàng thương mại.

2.4. Giải pháp quản trị vốn hướng đến mục tiêu tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

• ***Có kế hoạch và biện pháp cụ thể để gia tăng vốn cấp 1 của ngân hàng***

Để tăng vốn cấp 1, các ngân hàng có thể thực hiện các giải pháp sau đây:

Một là, tăng vốn điều lệ

+Tăng vốn điều lệ bằng cách cấp bổ sung vốn đối với ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

Tăng vốn điều lệ bằng cách cấp bổ sung

vốn đối với NHTM nhà nước trong giai đoạn hiện nay là thiếu khả thi vì áp lực từ ngân sách nhà nước; Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tuy áp lực không lớn đối với chủ sở hữu, nhưng phải có lộ trình và cần được sự chấp thuận.

Sau khi được Quốc Hội khóa XIII thông qua, Chính phủ đã có Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 14/5/2020 theo đó Chính phủ đã thống nhất việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho Agribank với mức 3.500 tỷ đồng. Theo tỷ lệ nghịch đảo của CAR, với 3.500 tỷ đồng vốn điều lệ tăng thêm, không những CAR của Agribank được cải thiện đáng kể mà còn giúp Agribank có thể mở rộng quy mô tín dụng tăng thêm 43.750 tỷ đồng. Đây quả là một con số không nhỏ để đáp ứng nhu cầu vốn cho nông nghiệp nông thôn.

+Tăng vốn điều lệ đối với các NHTM cổ phần có thể thực hiện bằng cách phát hành cổ phiếu bổ sung vốn điều lệ, hoặc chia cổ tức bằng cổ phần cho các cổ đông hiện hữu. Các phương pháp tăng vốn này phải nhận được

sự đồng ý của đại hội đồng cổ đông, chưa nói đến việc nhà đầu tư có sẵn sàng đầu tư vào cổ phiếu mới của ngân hàng với mức giá chào bán hay không.

Có thể kể đến một số trường hợp tăng vốn điều lệ của NHTM cổ phần sau khi được

Thông đốc SBV chấp thuận trong thời gian qua như sau:

- Ngân hàng Á Châu (ACB) tăng vốn điều lệ gần 5.000 tỷ đồng từ mức 16.627 tỷ đồng lên 21.616 tỷ đồng. (2 đợt)

- Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB) tăng vốn điều lệ 1.411 tỷ đồng từ 7.843 tỷ đồng lên 9.245 tỷ đồng

- Ngân hàng Phương Đông (OCB) tăng vốn điều lệ 3.376 tỷ đồng từ 7,899 tỷ đồng tăng lên 11.275 tỷ đồng (3 đợt)

- Ngân hàng Đông Nam Á (SeABank) tăng vốn điều lệ 2.719 tỷ đồng từ 9.369 tỷ đồng tăng lên 12.088 tỷ đồng (3 đợt)

Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (LienvietPostBank) tăng vốn điều lệ 906 tỷ đồng từ 10.369 tỷ đồng tăng lên 11.275 tỷ đồng (2 đợt)

- Ngân hàng Bắc Á tăng vốn điều lệ 585 tỷ đồng từ 6.500 tỷ đồng lên 7.085 tỷ đồng.

Việc tăng vốn như trên có thể thực hiện theo phương thức phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông, phát hành cổ phiếu mới v.v

Cần nói thêm là, khi ngân hàng nào tăng vốn, ngân hàng đó không những sẽ cải

thiện được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, mà có thể gia tăng dư nợ tín dụng theo hệ số đảo ngược CAR như đã phân tích trường hợp của Agribank nói trên.

Hai là, Thoái vốn đầu tư.

Thoái vốn đầu tại các công ty con, thoái vốn đầu tư tại các TCTD khác, thoái vốn đầu

tư tại các doanh nghiệp khác để *khôi phục lại mức vốn điều lệ đã bị giảm trừ* khi tính giá trị thực của vốn cấp 1. Biện pháp này được thực hiện tùy theo mức độ sinh lợi của các khoản mục đầu tư trực tiếp này và biến động được dự báo trong tương lai. Nếu khoản đầu tư có mức sinh lời khá cao và ổn định, ngân hàng không nên thoái vốn; nếu khoản mục đầu tư có mức sinh lời trung bình, ngân hàng cần xem xét các điều kiện khác để quyết định, nếu khoản mục đầu tư có mức sinh lời thấp, không ổn định, ngân hàng cần thoái vốn ngay. Khi thoái vốn đầu tư, thực chất là chuyển nhượng hoặc chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư khác theo giá thị trường, do đó ngân hàng cần tính toán cân nhắc giữa kết quả thu được và chi phí để có hướng xử lý tốt nhất.

• **Giải pháp tăng vốn cấp 2:** Cần phải thấy rằng, việc tăng vốn tự có cấp 1 bằng các biện pháp như trên với mục tiêu đảm bảo tỷ lệ

Phát hành trái phiếu vừa gia tăng nguồn vốn huy động dài hạn, nhờ đó có đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ tối đa sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn theo quy định của Thông tư 22/2020/TT - NHNN của NHNN Việt Nam (*Từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/9/2020: Tỷ lệ tối đa là 40%; Từ ngày 01/10/2020 đến hết ngày 30/9/2021 Tỷ lệ tối đa là: 37%; Từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 3/9/2022: Tỷ lệ tối đa là 34%); Từ ngày 01/10/2022 trở về sau Tỷ lệ tối đa là: 30%*) Ngoài ra, việc đẩy mạnh phát hành trái phiếu dài hạn sẽ gia tăng giá trị vốn cấp 2 cũng sẽ có tác động đáng kể đến tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của ngân hàng.

Tổng hợp thông tin số liệu từ Sở GDCK Hà Nội (HNX) cho thấy: Tổng giá trị trái phiếu phát hành năm 2019 của trên 210 doanh nghiệp với tổng giá trị đạt hơn 280.000 tỷ đồng (bình quân 1.330 tỷ / DN). Trong đó có 21 ngân hàng

an toàn vốn tối thiểu là giải pháp có tính khả thi thấp và cần có quá trình nhất định. Trong hoàn cảnh đó các ngân hàng sẽ phải chuyển hướng sang tăng vốn cấp 2 bằng cách đẩy mạnh phát hành trái phiếu và các giấy tờ có giá dài hạn khác để tăng vốn. Trái phiếu (Bonds) do ngân hàng phát hành với thời hạn tối thiểu 5 năm và thỏa mãn các điều kiện theo quy định của SBV là giải pháp khả thi nhất để tăng vốn cấp 2. Trái phiếu do ngân hàng phát hành có thể là trái phiếu chuyển đổi (*Convertible Bonds*) hoặc trái phiếu thông thường (*Common Bonds*). Trong đó người mua trái phiếu chuyển đổi ngoài quyền lợi được hưởng như trái phiếu thông thường, họ còn được ngân hàng phát hành cam kết chuyển đổi sang cổ phiếu khi trái phiếu đáo hạn hoặc khi ngân hàng có nhu cầu tăng vốn sớm hơn. Khi ngân hàng thực hiện chuyển đổi trái phiếu, người mua trái phiếu (trái chủ - Bonder) sẽ trở thành cổ đông (Shareholder) của ngân hàng.

thương mại phát hành trái phiếu kỳ hạn từ 5 năm trở lên đạt gần 116.000 tỷ chiếm tỷ trọng 41,2% tổng giá trị trái phiếu phát hành cả nước (bình quân trên 5.500 tỷ đồng / 1 ngân hàng). Những ngân hàng phát hành trái phiếu với quy mô lớn, gồm BIDV với tổng giá trị đạt 18.371 tỷ đồng, kỳ hạn 5 - 15 năm; Vietinbank với tổng giá trị 5.500 tỷ đồng, kỳ hạn 7- 15 năm; VP Bank với giá trị 18.060 tỷ đồng, trong đó trái phiếu quốc tế đạt trên 12.000 tỷ; ACB với tổng giá trị 11.950 tỷ đồng; HDBank, VIB đều có tổng giá trị trái phiếu phát hành trên 10.000 tỷ đồng, thời hạn dưới 5 năm chiếm 50% .

III. KẾT LUẬN

Trong phạm vi quốc nội, việc tuân thủ chuẩn mực an toàn ngân hàng được thực hiện theo các văn bản pháp lý do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định dựa trên Hiệp ước Basel II. Đến nay hai văn bản có hiệu lực thi hành là Thông tư số 41/2016/TT- NHNN và Thông tư số 22/2019 /TT- NHNN với quy định

mới về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu như nói ở trên. Các văn bản quy định có liên quan đến các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không còn hiệu lực thi hành là: Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014; Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016; Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017; Thông tư 16/2018/TT-NHNN ngày 31/7/2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam.

Như vậy, đối với quy chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) các ngân hàng phải có kế hoạch cụ thể với một lộ trình xác định để đạt chuẩn CAR ở mức $\geq 9\%$ (đối với nhóm ngân hàng đã được NHTM chấp thuận đạt chuẩn CAR theo Thông tư 41/2016 - Nhóm 1) và mức $\geq 8\%$ (đối với nhóm ngân hàng chưa đạt CAR theo Thông tư 41/2016- Nhóm 2) chậm nhất vào ngày 31/12/2022. Điều này có nghĩa là bắt đầu từ năm 2023 các NHTM Việt Nam sẽ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật các Tổ chức tín dụng - Luật số 47/2010 /QH XII;
- [2] Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài;
- [3] Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- [4] Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 27/05/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2014/TT-NHNN;
- [5] Thông tư 41/2016/TT - NHNN ngày

phải đạt chuẩn CAR theo chuẩn mực Basel II.

Đây sẽ là cuộc đua của chính các ngân hàng thương mại, và là cuộc đua không có đối thủ, cuộc đua mang tính tuân thủ sẽ rất quyết liệt với những khó khăn không thể né tránh. Tuy vậy, nếu có sự phấn đấu cao, quán triệt tinh thần trong hành động, hy vọng các ngân hàng thương mại sẽ gặt hái kết quả như quy định của SBV góp phần ổn định hệ thống tài chính Việt Nam

Giải pháp quản trị vốn trong nỗ lực tối đa để đạt chuẩn CAR của các NHTM Việt Nam mang tính khả thi cao. Bên cạnh đó không thể không nói đến nội dung quan trọng khác mới có thể giải quyết được vấn đề đó là giải pháp tăng cường quản trị rủi ro, quản trị tài sản có sinh lời của ngân hàng thương mại. Vì giới hạn của bài báo, nội dung này xin được trình bày vào dịp khác ./

30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

[6] Thông tư 22/2019/TT - NHNN ngày 26/12/2019 ngày 15/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

[7] Báo cáo thường niên, báo cáo tài chính của một số NHTM Việt Nam từ năm 2017-2019;

[8] Thời báo Ngân hàng;

[9] Tạp chí Ngân hàng.

Ngày nhận bài: 17/12/2020

Ngày gửi phản biện: 04/01/2021

Ngày duyệt đăng: 20/03/2021